

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

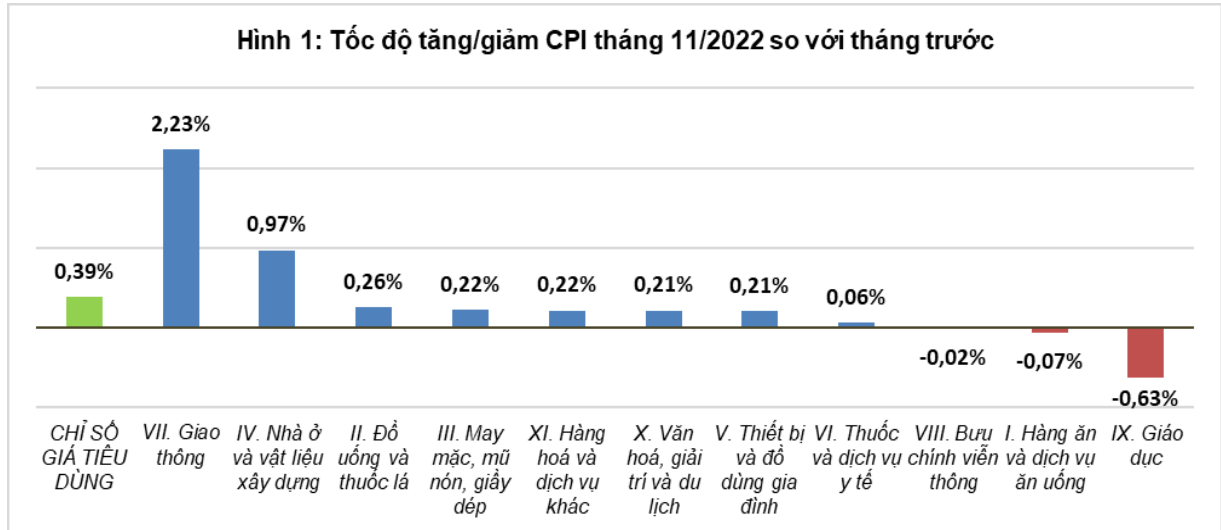
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2022

Giá xăng dầu trong nước điều chỉnh theo giá thế giới, giá thuê nhà tăng do nhu cầu của người dân tăng cao là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 tăng 0,39% so với tháng trước. So với tháng 12/2021 CPI tháng Mười Một tăng 4,56% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,37%.

Bình quân 11 tháng năm 2022, CPI tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,38%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 11/2022

So với tháng trước, CPI tháng 11/2022 tăng 0,39% (khu vực thành thị tăng 0,48%; khu vực nông thôn tăng 0,29%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 8 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 03 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 11/2022 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,07%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 11/2022 giảm 0,07% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, trong đó lương thực tăng 0,59%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm; thực phẩm giảm 0,3%, tác động giảm 0,06 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,22%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,59%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 11/2022 tăng 0,59% so với tháng trước, chủ yếu do các nhà xuất khẩu tăng cường thu mua lúa từ nông dân để hoàn thành các hợp đồng đã ký, đồng thời tỷ giá USD tăng làm cho giá gạo xuất khẩu tăng cao đã khuyến khích các nhà xuất khẩu đẩy mạnh bán hàng ra nước ngoài. Trong đó, giá gạo tẻ thường tăng 0,46%; gạo tẻ ngon và gạo nếp đều tăng 0,31%.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 12.800-15.200 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 18.100-21.300 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 19.500-21.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.300-36.400 đồng/kg.

Bên cạnh đó, giá khoai lang tháng 11/2022 tăng 3,66% so với tháng trước; ngô tăng 1,75%; mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 1,25%; bột mỳ tăng 0,74%; bột ngô tăng 1,02%; miến tăng 0,48%; bánh mỳ tăng 0,44%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,24%.

1.2. Thực phẩm (-0,3%)

Giá thực phẩm tháng 11/2022 giảm 0,3% so với tháng trước do tình hình chăn nuôi ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt, tổng đàn gia súc, gia cầm tăng so với cùng kỳ năm 2021, thời tiết ẩm áp thuận lợi cho việc thu hoạch rau xanh nên giá một số mặt hàng giảm, cụ thể:

- Giá thịt gia súc giảm 1,23% so với tháng trước, trong đó thịt lợn giảm 1,67% làm CPI chung giảm 0,06 điểm phần trăm. Tính đến ngày 25/11/2022, giá thịt lợn hơi cả nước dao động khoảng 51.000-55.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 2,35% so với tháng trước; giá thịt chế biến giảm 0,39%, trong đó thịt quay, giò chả giảm 0,52%. Giá thịt bò giảm 0,25%; nội tạng động vật giảm 0,84%; thịt gia súc đông lạnh giảm 0,12%.

- Giá thịt gia cầm giảm 0,13% so với tháng trước, trong đó thịt gà giảm 0,04%; thịt gia cầm khác giảm 0,48%.

- Giá rau tươi, khô và chế biến giảm 0,83% so với tháng Mười do thời tiết thuận lợi khiến rau sinh trưởng nhanh, các loại rau củ vụ đông như bắp cải, su hào đã vào vụ thu hoạch, sản lượng cao khiến giá các loại rau giảm. Trong đó, giá su hào tháng 11/2022 giảm 6,57% so với tháng trước; giá cà chua giảm 3,14%; bắp cải giảm 2,6%; đỗ quả tươi giảm 2,05%; rau tươi khác giảm 1,69%; rau chế biến các loại giảm 0,77%.

Ở chiều ngược lại, có một số mặt hàng tăng giá:

- Giá thủy hải sản tươi sống tăng 0,07% so với tháng trước do giá dầu tăng khiến cho chi phí khai thác thủy sản biển ở mức cao trong khi nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước tăng. Trong đó, giá tôm tươi tăng 0,49%; thủy hải sản tươi sống khác tăng 0,04%. Theo đó, giá thủy sản chế biến tháng Mười Một tăng 0,21% so với tháng Mười.

- Giá nước mắm, nước chấm tăng 0,4% so với tháng trước; sữa, bơ, pho mát tăng 0,34%; đường, mật tăng 0,41%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,37%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,39% do giá nguyên vật liệu tăng.

- Giá trứng các loại tăng 0,63%, trong đó trứng tươi các loại tăng 0,64%; trứng đã chế biến tăng 0,55%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,22%)

Giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tháng 11/2022 tăng 0,22% so với tháng trước do giá nguyên liệu chế biến cao. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình và uống ngoài gia đình cùng tăng 0,23% so với tháng trước; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,18%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 11/2022 tăng 0,26% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng và tỷ giá đô la Mỹ tăng cao. Cụ thể, giá nước khoáng tăng 0,22% so với tháng trước; giá nước giải khát có ga tăng 0,16%; nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,2%; rượu bia tăng 0,33% và thuốc hút tăng 0,22%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,22%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 11/2022 tăng 0,22% so với tháng trước do giá nguyên phụ liệu sản xuất, chi phí vận chuyển và nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông tăng. Trong đó, giá vải các loại và quần áo may sẵn cùng tăng 0,26%; mũ nón tăng 0,11%; giày dép tăng 0,14%; dịch vụ may mặc tăng 0,3%; dịch vụ sửa chữa giày dép tăng 0,49%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,97%)

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 11/2022 tăng 0,97% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá tiền thuê nhà ở tăng 1,54% do nhu cầu thuê nhà tăng cao.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,45% do công sơn và xây tường, lát gạch, công lao động phổ thông tăng, nhu cầu sửa chữa và xây dựng nhà vào cuối năm tăng cao.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,28% do giá xi măng, gạch xây, gạch bê tông, tấm lợp, sơn tường tăng theo giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất.

- Giá gas tăng 5% so với tháng trước do từ ngày 01/11/2022, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 20.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 35 USD/tấn (từ mức 575 USD/tấn lên mức 610 USD/tấn).

- Giá dầu hỏa tăng 7,02% so với tháng trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá ngày 01/11/2022, 11/11/2022 và 21/11/2022.

Riêng giá nước và giá điện sinh hoạt tháng Mười Một lần lượt giảm 0,09% và 1,79% so với tháng trước¹ do thời tiết mát mẻ nên nhu cầu sử dụng điện, nước giảm.

¹ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 11/2022 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-31/10/2022, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 11/2022 tăng 0,21% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng như: Giá tủ lạnh tăng 0,16%; máy hút bụi tăng 0,25%; bình nóng lạnh tăng 0,14%; máy in, máy chiếu và máy quét tăng 0,13%; máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 0,18%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,26%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,26%; bếp gas tăng 0,1%... Ở chiều ngược lại, giá máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,22% so với tháng trước; máy vi tính và phụ kiện để bàn giảm 0,05%.

6. Giao thông (+2,23%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 11/2022 tăng 2,23% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,22 điểm phần trăm, chủ yếu do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 01/11/2022, 11/11/2022 và 21/11/2022 làm cho giá xăng dầu tăng 5,83% so với tháng trước (xăng tăng 5,84%; dầu diezen tăng 5,25%).

Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm phương tiện đi lại tăng 0,15%; phụ tùng tăng 0,16%; dịch vụ khác với phương tiện vận tải cá nhân tăng 0,15%; dịch vụ giao thông công cộng tăng 0,14% so với tháng trước.

7. Giáo dục (-0,63%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 11/2022 giảm 0,63% so với tháng trước, tác động làm giảm CPI chung 0,04 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,71% chủ yếu do thành phố Hà Nội thực hiện hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, các trung tâm dạy nghề - giáo dục thường xuyên theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, theo đó chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục của Hà Nội giảm 9,54% so với tháng trước, tác động làm giảm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục cả nước.

8. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 11/2022 tăng 0,21% so với tháng trước do dịch vụ văn hóa tăng 0,28%; trong tháng có ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 làm nhu cầu mua hoa tăng khiến chỉ số giá nhóm hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 1,91%; giá vé xem phim, ca nhạc tăng 0,82%; đồ chơi tăng 0,29%.

9. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,22%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 11/2022 tăng 0,22% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ trang sức tăng 1,08%; cắt tóc, gội đầu tăng 0,23%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,1%; đồng hồ đeo tay tăng 0,56%.

10. Chỉ số giá vàng (+1,82%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/11/2022, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.727,52 USD/ounce, tăng 3,33% so với tháng 10/2022. Giá vàng tăng mạnh do lạm phát Mỹ tháng 10 đã hạ nhiệt, kéo theo kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) có thể giảm tốc độ tăng

lãi suất. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 11/2022 tăng 1,82% so với tháng trước; tăng 3,95% so với cùng kỳ năm 2021; bình quân 11 tháng năm 2022 tăng 5,88%.

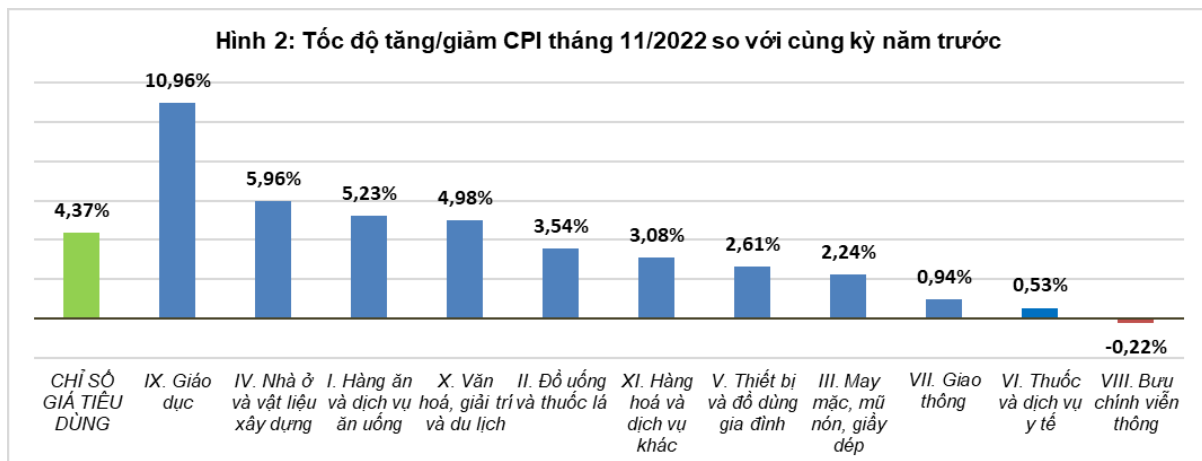
11. Chỉ số giá đô la Mỹ (+2,91%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới biến động tăng, giảm đan xen. Trong cuộc họp chính sách ngày 02/11/2022, FED đã quyết định tăng lãi suất 0,75 điểm phần trăm, đưa lãi suất quỹ liên bang lên 3,75-4%. Đây là lần tăng 0,75 điểm phần trăm thứ tư liên tiếp do FED đưa ra và là lần tăng lãi suất thứ sáu kể từ tháng 3/2022. Tuy nhiên, sau khi lạm phát Mỹ trong tháng 10 thấp hơn dự kiến đã khiến đồng đô la Mỹ giảm mạnh. Tính đến ngày 25/11/2022, chỉ số đô la Mỹ bình quân tháng 11/2022 trên thị trường quốc tế đạt mức 108,16 điểm, giảm 3,4 điểm so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.855 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2022 tăng 2,91% so với tháng trước và tăng 8,71% so với cùng kỳ năm 2021; bình quân 11 tháng năm 2022 tăng 1,83%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 11 và 11 tháng từ năm 2018 đến năm 2022

| | Đơn vị tính: % | | | | |
|--|----------------|----------|----------|----------|----------|
| | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| CPI tháng 11 so với tháng trước | -0,29 | 0,96 | -0,01 | 0,32 | 0,39 |
| CPI tháng 11 so với cùng kỳ năm trước | 3,46 | 3,52 | 1,48 | 2,10 | 4,37 |
| CPI tháng 11 so với tháng 12 năm trước | 3,24 | 3,78 | 0,08 | 2,00 | 4,56 |
| CPI bình quân 11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước | 3,59 | 2,57 | 3,51 | 1,84 | 3,02 |

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 11/2022 tăng 4,37%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 1 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giáo dục tháng 11/2022 tăng cao nhất với 10,96% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí năm học 2022-2023.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,96% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,23%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,59%; giá lương thực tăng 2,79% và thực phẩm tăng 5,12%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,98% do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá tour, khách sạn, nhà hàng tăng khi nhu cầu du lịch trong nước tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,54% chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển và tỷ giá tăng.

- Nhóm giao thông tháng 11/2022 tăng 0,94% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, trong đó giá vé tàu hỏa tăng 7,68%; vé máy bay tăng 39,59%; vé ô tô khách tăng 16,59%; vé xe buýt công cộng tăng 13,76%; vé taxi tăng 6,61% và vé tàu thủy tăng 3,79%, trong khi giá xăng dầu tháng Mười Một giảm 4,13% so với cùng kỳ năm trước.

- Bên cạnh đó, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng Mười Một tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,24%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,53%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,08%.

Riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,22% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

So với tháng 12/2021, CPI tháng Mười Một tăng 4,56%, trong đó có 10 nhóm hàng tăng giá, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,2%.

Trong các nhóm tăng giá:

- Nhóm giáo dục tháng 11/2022 tăng 11,44% so với tháng 12/2021 do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí năm học 2022-2023.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,43% chủ yếu do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá thuê nhà tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,05%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,42%; giá lương thực tăng 2,41% và thực phẩm tăng 4,96%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,93% do nhu cầu du lịch tăng cao sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

- Nhóm giao thông tháng 11/2022 tăng 2,7% so với tháng 12/2021, trong đó giá vé máy bay tăng 37,68%; vé ô tô khách tăng 16,09%; vé xe buýt công cộng tăng 13,51%; vé taxi tăng 6,51% và vé tàu thủy tăng 3,79%; giá xăng dầu tăng 0,56%.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 11 THÁNG NĂM 2022

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2022 tăng 3,02% so với cùng kỳ năm 2021.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 11 tháng năm 2022

- Trong 11 tháng năm nay, giá xăng dầu được điều chỉnh 31 đợt, làm cho giá xăng A95 tăng 490 đồng/lít so với cuối năm 2021; xăng E5 tăng 120 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 7.230 đồng/lít; dầu hỏa tăng 8.130 đồng/lít. Tính bình quân 11 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước tăng 31,76%, tác động làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas 11 tháng năm nay tăng 12,76% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm.

- Dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu ăn ngoài nhà hàng tăng nên giá ăn uống ngoài gia đình bình quân 11 tháng tăng 4,78% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm.

- Nhà ở và vật liệu xây dựng 11 tháng năm nay tăng 2,75% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, tác động làm CPI chung tăng 0,52 điểm phần trăm.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu làm cho giá gạo 11 tháng tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm.

- Giá các mặt hàng thực phẩm 11 tháng năm 2022 tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI tăng 0,28 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục tăng 0,47% do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí năm học 2022-2023, làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 11 tháng năm 2022

- Giá thịt lợn giảm 12,22% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung giảm 0,41 điểm phần trăm do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát và nguồn cung lợn đảm bảo.

- Giá nhà ở thuê giảm 4,64% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, giá giảm chủ yếu trong các tháng đầu năm do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Giá bưu chính viễn thông giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại di động và dịch vụ sửa chữa điện thoại giảm.

- Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản² tháng 11/2022 tăng 0,43% so với tháng trước, tăng 4,81% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung chủ yếu do giá thực phẩm tươi sống là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng CPI trong tháng 11 năm nay thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Bình quân 11 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,38% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,02%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm và giá xăng, dầu.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng 11 và 11 tháng năm 2018 - 2022

| | <i>Đơn vị tính: %</i> | | | | |
|--|-----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| Lạm phát cơ bản tháng 11 so với tháng trước | 0,11 | 0,30 | 0,03 | 0,11 | 0,43 |
| Lạm phát cơ bản tháng 11 so với cùng kỳ năm trước | 1,72 | 2,18 | 1,61 | 0,58 | 4,81 |
| Lạm phát cơ bản 11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước | 1,46 | 1,94 | 2,43 | 0,82 | 2,38 |

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

² CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.